

THÔNG TƯ

Hướng dẫn về Hội đồng quản lý và tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản lý trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành Tư pháp

Căn cứ Nghị định số 96/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp;

Căn cứ Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ;

Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Thông tư hướng dẫn về Hội đồng quản lý và tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản lý trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành Tư pháp.

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn về việc thành lập, vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức, tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm, miễn nhiệm thành viên và quy chế hoạt động, mối quan hệ công tác của Hội đồng quản lý trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành Tư pháp (sau đây gọi là Hội đồng quản lý).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Đơn vị sự nghiệp công lập hoạt động trong lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Tư pháp gồm:

- a) Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc bộ;
- b) Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tổng cục thuộc bộ;
- c) Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cục thuộc bộ.

2. Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thành lập và hoạt động của Hội đồng quản lý trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành Tư pháp.

4. Hội đồng quản lý trong đơn vị sự nghiệp công lập không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này được thành lập theo quy định của pháp luật chuyên ngành và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức, quy chế hoạt động của Hội đồng quản lý này được thực hiện theo hướng dẫn của bộ quản lý ngành, lĩnh vực.

Điều 3. Nguyên tắc và điều kiện thành lập Hội đồng quản lý

Nguyên tắc, điều kiện thành lập Hội đồng quản lý thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 7 Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập (sau đây gọi là Nghị định số 120/2020/NĐ-CP).

Chương II THÀNH LẬP HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ

Điều 4. Thẩm quyền quyết định thành lập Hội đồng quản lý

1. Bộ trưởng Bộ Tư pháp quyết định việc thành lập Hội đồng quản lý trong đơn vị sự nghiệp công lập hoạt động trong lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Tư pháp.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc thành lập Hội đồng quản lý trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Tư pháp.

Điều 5. Hồ sơ đề nghị thành lập Hội đồng quản lý

1. Văn bản đề nghị thành lập Hội đồng quản lý của đơn vị sự nghiệp công lập; văn bản đề nghị thành lập Hội đồng quản lý của đơn vị cấp trên trực tiếp quản lý đơn vị sự nghiệp công lập (nếu có). Cấp trên trực tiếp của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cục, thuộc tổng cục thuộc bộ là cục, tổng cục thuộc bộ; cấp trên trực tiếp của đơn vị công lập thuộc Sở Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là Sở Tư pháp;

2. Đề án thành lập Hội đồng quản lý;

3. Dự thảo Quy chế hoạt động của Hội đồng quản lý;

4. Các tài liệu chứng minh đủ điều kiện thành lập Hội đồng quản lý theo quy định;

5. Biên bản họp liên tịch và Hội nghị cán bộ chủ chốt;

6. Ý kiến bằng văn bản của các cơ quan có liên quan về việc thành lập Hội đồng quản lý;

7. Các giấy tờ có liên quan khác (nếu có).

Điều 6. Đề án thành lập Hội đồng quản lý

1. Sự cần thiết và cơ sở pháp lý thành lập Hội đồng quản lý;

2. Vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản lý;

3. Số lượng, cơ cấu thành viên Hội đồng quản lý; nhiệm vụ cụ thể của thành viên Hội đồng quản lý;

4. Dự kiến phương án nhân sự của Hội đồng quản lý;
5. Kiến nghị của đơn vị đề nghị thành lập Hội đồng quản lý (nếu có);
6. Các nội dung khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành (nếu có).

Điều 7. Quy trình thành lập Hội đồng quản lý

1. Xin chủ trương của cấp có thẩm quyền về thành lập Hội đồng quản lý

a) Sau khi trao đổi, thống nhất trong lãnh đạo đơn vị về chủ trương thành lập Hội đồng quản lý, người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập tổ chức họp liên tịch giữa lãnh đạo đơn vị, cấp ủy đảng và đại diện các tổ chức chính trị - xã hội thảo luận về việc thành lập, dự kiến số lượng, cơ cấu thành phần tham gia Hội đồng quản lý.

b) Trên cơ sở họp liên tịch, người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập xây dựng báo cáo đề xuất thành lập Hội đồng quản lý kèm theo Biên bản họp liên tịch gửi cơ quan thẩm định để trình cơ quan hoặc người có thẩm quyền quyết định theo quy định tại Điều 4 Thông tư này phê duyệt chủ trương thành lập Hội đồng quản lý.

Đối với đơn vị sự nghiệp công lập có đơn vị cấp trên trực tiếp quản lý, người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập gửi báo cáo cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp để cho ý kiến về sự cần thiết, gửi cơ quan thẩm định trình cơ quan, người có thẩm quyền quyết định theo quy định tại Điều 4 Thông tư này phê duyệt chủ trương thành lập Hội đồng quản lý.

2. Đề nghị thành lập Hội đồng quản lý sau khi cấp có thẩm quyền phê duyệt chủ trương

a) Sau khi có phê duyệt chủ trương của cấp có thẩm quyền, người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập chỉ đạo tổ chức lập Hồ sơ thành lập Hội đồng quản lý, tổ chức Hội nghị cán bộ chủ chốt của đơn vị để cho ý kiến đối với Đề án thành lập, dự thảo Quy chế hoạt động và đề xuất nhân sự tham gia Hội đồng quản lý của đơn vị. Nhân sự tham gia Hội đồng quản lý phải đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Điều 15 Thông tư này.

b) Hội nghị cán bộ chủ chốt của đơn vị bao gồm người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu, cấp ủy đảng, chủ tịch công đoàn, bí thư đoàn thanh niên, lãnh đạo các phòng, ban trực thuộc (nếu có) và đại diện cơ quan quản lý cấp trên, cấp trên trực tiếp (nếu có) của đơn vị sự nghiệp công lập.

c) Trên cơ sở kết quả Hội nghị cán bộ chủ chốt, người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập chỉ đạo hoàn thiện Hồ sơ thành lập Hội đồng quản lý gửi cơ quan thẩm định trình cơ quan hoặc người có thẩm quyền quyết định theo quy định tại Điều 4 Thông tư này.

Đối với đơn vị sự nghiệp công lập có đơn vị cấp trên trực tiếp quản lý, người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập gửi Hồ sơ đến cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp để cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp xem xét, gửi cơ quan thẩm

định trình cơ quan hoặc người có thẩm quyền thành lập Hội đồng quản lý quyết định theo quy định tại Điều 4 Thông tư này xem xét, quyết định.

3. Cơ quan thẩm định hồ sơ thành lập Hội đồng quản lý

a) Cơ quan thẩm định hồ sơ thành lập Hội đồng quản lý trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của Bộ Tư pháp và đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 7 Nghị định số 120/2020/NĐ-CP.

b) Cơ quan thẩm định quy định tại điểm a khoản này tiến hành thẩm định các nội dung về sự cần thiết, số lượng, cơ cấu, thành phần, tiêu chuẩn của thành viên Hội đồng quản lý; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản lý và các nội dung khác có liên quan.

4. Đơn vị sự nghiệp công lập hoặc đơn vị cấp trên trực tiếp của đơn vị sự nghiệp công lập trên cơ sở kết quả thẩm định, hoàn thiện hồ sơ báo cáo cơ quan hoặc người có thẩm quyền xem xét, quyết định thành lập Hội đồng quản lý.

5. Trên cơ sở văn bản đề nghị thành lập, văn bản thẩm định thành lập Hội đồng quản lý, cơ quan hoặc người có thẩm quyền thành lập Hội đồng quản lý quy định tại Điều 4 Thông tư này xem xét, quyết định thành lập Hội đồng quản lý và phê duyệt Quy chế hoạt động của Hội đồng quản lý trong đơn vị sự nghiệp công lập.

Chương III

VỊ TRÍ, CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN, CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ

Điều 8. Vị trí của Hội đồng quản lý

Hội đồng quản lý là đại diện của Bộ Tư pháp (đối với đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của Bộ), Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Tư pháp) tại đơn vị sự nghiệp công lập.

Điều 9. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản lý

Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản lý thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Nghị định số 120/2020/NĐ-CP.

Điều 10. Số lượng, cơ cấu thành viên của Hội đồng quản lý

1. Hội đồng quản lý có từ 05 đến 11 thành viên tùy thuộc vào đặc thù của từng đơn vị, trong đó có Chủ tịch, Thư ký và các thành viên khác. Tùy theo yêu cầu nhiệm vụ, Hội đồng quản lý có thể có Phó Chủ tịch Hội đồng. Chủ tịch và các thành viên khác của Hội đồng quản lý do người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền phê duyệt Đề án tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản lý không quá 05 năm.

2. Thành phần Hội đồng quản lý

a) Chủ tịch Hội đồng là đại diện lãnh đạo của đơn vị sự nghiệp công lập hoặc đại diện cơ quan quản lý cấp trên của đơn vị sự nghiệp công lập gồm đại diện của Bộ (đối với đơn vị sự nghiệp thuộc Bộ), đại diện lãnh đạo Sở Tư pháp (đối với đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Tư pháp) hoặc đại diện của cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp (nếu có) do người có thẩm quyền xem xét, quyết định;

b) Đại diện cơ quan quản lý cấp trên và cấp trên trực tiếp của đơn vị sự nghiệp công lập (trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng là đại diện lãnh đạo của đơn vị sự nghiệp công lập) hoặc đại diện lãnh đạo đơn vị sự nghiệp công lập (trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng là đại diện cơ quan quản lý cấp trên, cấp trên trực tiếp);

c) Thư ký Hội đồng;

d) Đại diện cấp ủy đảng, chủ tịch công đoàn, bí thư đoàn thanh niên, lãnh đạo các phòng, ban trực thuộc (nếu có). Trường hợp không có tổ chức trực thuộc thì cử đại diện viên chức của đơn vị sự nghiệp tham gia Hội đồng quản lý;

đ) Đại diện của các tổ chức có lợi ích liên quan (nếu có).

3. Số lượng, cơ cấu, thành phần cụ thể của thành viên Hội đồng quản lý do người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền phê duyệt Đề án tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập quyết định và số lượng thành viên theo quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 11. Nguyên tắc, chế độ làm việc của Hội đồng quản lý

1. Hội đồng quản lý làm việc theo nguyên tắc tập thể, quyết định theo đa số, trừ trường hợp quy chế hoạt động của Hội đồng quản lý quy định tỷ lệ biểu quyết cao hơn; quyết định của Hội đồng quản lý được thể hiện bằng hình thức Nghị quyết. Trường hợp số phiếu tán thành và không tán thành bằng nhau thì sẽ quyết định theo bên có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng.

2. Đại diện của cơ quan quản lý cấp trên, cấp trên trực tiếp của đơn vị sự nghiệp công lập trong Hội đồng quản lý làm việc theo chế độ kiêm nhiệm.

Thành viên Hội đồng quản lý là công chức, viên chức thuộc cơ quan, đơn vị khác làm việc theo chế độ kiêm nhiệm; các thành viên Hội đồng quản lý là viên chức của đơn vị sự nghiệp công lập có thể làm việc theo chế độ chuyên trách hoặc kiêm nhiệm và được xác định trong Đề án thành lập Hội đồng quản lý.

3. Hội đồng quản lý tổ chức cuộc họp theo yêu cầu công việc của Hội đồng quản lý và được xác định trong Quy chế hoạt động của Hội đồng quản lý. Các cuộc họp của Hội đồng quản lý được coi là hợp lệ khi có trên 2/3 số thành viên tham dự.

4. Hội đồng quản lý hoạt động theo quy chế hoạt động được cơ quan hoặc người có thẩm quyền quyết định thành lập Hội đồng quản lý phê duyệt.

5. Hội đồng quản lý được sử dụng con dấu và bộ máy tổ chức của đơn vị sự nghiệp công lập để triển khai công việc của Hội đồng quản lý.

Điều 12. Quy chế hoạt động của Hội đồng quản lý

1. Hội đồng quản lý xây dựng Quy chế hoạt động của Hội đồng quản lý gửi cơ quan thẩm định quy định tại khoản 3 Điều 7 Thông tư này xem xét và trình cấp có thẩm quyền thành lập Hội đồng quản lý quy định tại Điều 4 Thông tư này phê duyệt.

2. Quy chế hoạt động của Hội đồng quản lý bao gồm các nội dung chủ yếu sau:

- a) Các quy định chung;
- b) Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản lý;
- c) Số lượng, cơ cấu, nhiệm kỳ của Hội đồng quản lý;
- d) Cơ chế hoạt động của Hội đồng quản lý;
- đ) Nhiệm vụ, quyền hạn, nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản lý; bổ nhiệm, bổ sung, thay thế, miễn nhiệm, kỷ luật thành viên Hội đồng quản lý;
- e) Mối quan hệ công tác;
- g) Các quy định khác bảo đảm cho hoạt động của Hội đồng quản lý theo quy định của pháp luật.

3. Trường hợp cần thiết sửa đổi, bổ sung quy chế hoạt động, Hội đồng quản lý thông qua quy chế hoạt động của Hội đồng quản lý gửi cơ quan thẩm định trình cấp có thẩm quyền thành lập Hội đồng quản lý phê duyệt theo quy định tại Điều 4 Thông tư này.

Điều 13. Mối quan hệ công tác

- 1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản lý với cơ quan quản lý cấp trên
 - a) Hội đồng quản lý chịu trách nhiệm trước cơ quan quản lý cấp trên về kết quả thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn được giao;
 - b) Hội đồng quản lý có trách nhiệm báo cáo các hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập đối với cơ quan quản lý cấp trên;
 - c) Cơ quan quản lý cấp trên thông qua hoặc có ý kiến đối với những vấn đề thuộc thẩm quyền theo đề nghị của Hội đồng quản lý.
- 2. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản lý với người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập
 - a) Hội đồng quản lý quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền theo đề nghị của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập;
 - b) Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập quản lý điều hành hoạt động của đơn vị thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản lý và chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện nghị quyết trước Hội đồng quản lý;

c) Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập có trách nhiệm định kỳ hoặc đột xuất báo cáo các hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập theo yêu cầu của Hội đồng quản lý;

d) Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập chịu sự kiểm tra, giám sát của Hội đồng quản lý.

Điều 14. Nhiệm vụ, quyền hạn của thành viên Hội đồng quản lý

1. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng quản lý

a) Điều hành Hội đồng quản lý thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 9 Thông tư này;

b) Tổ chức việc giám sát và đánh giá kết quả thực hiện mục tiêu chiến lược, kết quả hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập; kết quả quản lý điều hành của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập;

c) Chỉ đạo xây dựng kế hoạch hoạt động theo nhiệm kỳ và hàng năm, hàng quý của Hội đồng quản lý; lãnh đạo thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản lý;

d) Triệu tập, chủ trì các cuộc họp Hội đồng quản lý; chỉ đạo chuẩn bị các chương trình, tài liệu cuộc họp hoặc lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản lý;

đ) Ký các văn bản của Hội đồng quản lý;

e) Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật hoặc theo quy chế hoạt động của Hội đồng quản lý.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý (nếu có)

a) Điều hành hoạt động và ký các văn bản theo ủy quyền của Chủ tịch Hội đồng quản lý;

b) Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của thành viên Hội đồng quản lý theo quy định tại khoản 3 Điều này và các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy chế hoạt động của Hội đồng quản lý.

3. Nhiệm vụ, quyền hạn của thành viên Hội đồng quản lý

a) Thực hiện các nhiệm vụ do Hội đồng quản lý phân công; các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và quy chế hoạt động của Hội đồng quản lý và của đơn vị sự nghiệp công lập;

b) Tham gia xây dựng kế hoạch hoạt động theo nhiệm kỳ và hàng năm; đề xuất nội dung và các vấn đề cần thảo luận tại cuộc họp Hội đồng quản lý;

c) Dự các cuộc họp của Hội đồng quản lý, góp ý kiến, biểu quyết về những vấn đề đưa ra thảo luận trong các cuộc họp của Hội đồng quản lý.

4. Thư ký của Hội đồng quản lý

Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của thành viên Hội đồng quản lý theo quy định tại khoản 3 Điều này và trực tiếp giúp Chủ tịch Hội đồng quản lý những nhiệm vụ sau đây:

- a) Tổng hợp thông tin về hoạt động của đơn vị báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản lý; chuẩn bị chương trình nghị sự, tài liệu, giấy mời họp và làm thư ký các cuộc họp của Hội đồng quản lý; xây dựng, hoàn chỉnh, lưu trữ các văn bản của Hội đồng quản lý;
- b) Chuẩn bị các báo cáo, văn bản giải trình với cơ quan nhà nước và các cơ quan có liên quan theo nhiệm vụ, chức năng của Hội đồng quản lý;
- c) Các nhiệm vụ khác do Chủ tịch Hội đồng quản lý giao và theo quy chế hoạt động của Hội đồng quản lý.

Chương IV

TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ

Điều 15. Tiêu chuẩn, điều kiện thành viên Hội đồng quản lý

1. Đối với thành viên Hội đồng quản lý:

- a) Là công chức hoặc viên chức. Trong trường hợp thành viên Hội đồng quản lý là đại diện của tổ chức có lợi ích liên quan thì không bắt buộc phải là công chức hoặc viên chức;
- b) Có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt; có đủ sức khỏe để đảm nhận công việc;
- c) Không trong thời gian chấp hành quyết định kỷ luật hoặc trong thời gian bị xem xét xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật;
- d) Có trình độ từ đại học trở lên;
- đ) Đủ tuổi công tác ít nhất 01 nhiệm kỳ 05 năm đối với công chức, viên chức;
- e) Không phải là vợ hoặc chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu, kế toán trưởng của đơn vị sự nghiệp công lập.

2. Đối với Chủ tịch Hội đồng quản lý

- a) Đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều này;
- b) Có năng lực quản lý và đáp ứng điều kiện, tiêu chuẩn như người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của pháp luật và quy định của cấp có thẩm quyền.

Điều 16. Bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản lý

Chủ tịch và các thành viên khác của Hội đồng quản lý do người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền phê duyệt Đề án tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập bổ nhiệm.

Điều 17. Bổ sung, thay thế thành viên Hội đồng quản lý

1. Chậm nhất 60 ngày (sáu mươi ngày) trước khi Chủ tịch và các thành viên khác của Hội đồng quản lý hết nhiệm kỳ, Chủ tịch Hội đồng quản lý tổ chức họp Hội đồng để thảo luận, thống nhất, xin ý kiến cấp ủy cùng cấp và gửi cơ quan thẩm định quy định tại khoản 3 Điều 7 Thông tư này báo cáo người có thẩm quyền bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản lý tại Điều 16 Thông tư này xem xét cho chủ trương tiếp tục bổ sung hoặc thay thế.

Sau khi có chủ trương, Chủ tịch Hội đồng quản lý tổ chức họp Hội đồng để thảo luận, bỏ phiếu kín thông qua nhân sự tiếp tục bổ sung hoặc thay thế; gửi Hồ sơ đến cơ quan thẩm định báo cáo người có thẩm quyền bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản lý tại Điều 16 Thông tư này xem xét, quyết định.

2. Trong trường hợp Chủ tịch và các thành viên khác của Hội đồng quản lý bị khuyết khi chưa hết nhiệm kỳ hoặc Hội đồng quản lý có nhu cầu bổ sung thành viên, Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch (nếu có) Hội đồng quản lý tổ chức họp Hội đồng để thảo luận, thống nhất, xin ý kiến cấp ủy cùng cấp và gửi cơ quan thẩm định báo cáo người có thẩm quyền bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản lý tại Điều 16 Thông tư này xem xét cho chủ trương bổ sung hoặc thay thế.

Sau khi có chủ trương, Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý tổ chức họp Hội đồng để thảo luận, bỏ phiếu kín thông qua nhân sự tiếp tục bổ sung hoặc thay thế; gửi Hồ sơ đến cơ quan thẩm định báo cáo người có thẩm quyền bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản lý tại Điều 16 Thông tư này xem xét, quyết định.

3. Đối với đơn vị sự nghiệp công lập có đơn vị cấp trên trực tiếp quản lý, Hội đồng quản lý gửi văn bản xin chủ trương và Hồ sơ đề nghị tiếp tục bổ sung hoặc thay thế đến cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp để gửi cơ quan thẩm định báo cáo người có thẩm quyền bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản lý tại Điều 16 Thông tư này xem xét, quyết định.

4. Hồ sơ đề nghị tiếp tục bổ nhiệm, bổ sung hoặc thay thế bao gồm:

- a) Văn bản đề nghị của Hội đồng quản lý;
- b) Văn bản của cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp của đơn vị sự nghiệp công lập đề nghị tiếp tục bổ sung hoặc thay thế thành viên Hội đồng quản lý (nếu có đơn vị cấp trên trực tiếp);
- c) Nghị quyết, Biên bản họp Hội đồng quản lý;
- d) Ý kiến bằng văn bản của cấp ủy cùng cấp;
- đ) Sơ yếu lý lịch của người được đề nghị tiếp tục bổ sung hoặc thay thế;
- e) Các văn bản, tài liệu khác có liên quan (nếu có).

Điều 18. Miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản lý

1. Miễn nhiệm thành viên của Hội đồng quản lý nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a) Có đề nghị bằng văn bản của cá nhân xin thôi tham gia Hội đồng quản lý;
- b) Bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;
- c) Không đủ sức khỏe để đảm nhiệm công việc được giao, đã phải nghỉ làm việc để điều trị bệnh quá 06 tháng mà khả năng lao động chưa phục hồi;
- d) Bị Tòa án kết tội bằng bản án có hiệu lực pháp luật;
- đ) Có trên 50% tổng số thành viên của Hội đồng quản lý kiến nghị bằng văn bản đề nghị miễn nhiệm;
- e) Có các vi phạm khác đã quy định tại quy chế tổ chức và hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập, quy chế hoạt động của Hội đồng quản lý;
- g) Chuyển công tác hoặc nghỉ hưu, thôi việc.

2. Khi Chủ tịch hoặc các thành viên khác của Hội đồng quản lý thuộc một trong các trường hợp miễn nhiệm, Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch (nếu có) hoặc Thư ký (trong trường hợp miễn nhiệm Chủ tịch và Hội đồng quản lý không có Phó Chủ tịch) Hội đồng quản lý tổ chức họp Hội đồng để thảo luận, thống nhất, xin ý kiến cấp ủy cùng cấp và gửi Hồ sơ đến cơ quan thẩm định báo cáo người có thẩm quyền bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản lý tại Điều 16 Thông tư này để xem xét miễn nhiệm Chủ tịch hoặc thành viên Hội đồng quản lý.

Đối với đơn vị sự nghiệp công lập có đơn vị cấp trên trực tiếp quản lý, người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập gửi Hồ sơ đề nghị miễn nhiệm đến cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp để cơ quan thẩm định báo cáo người có thẩm quyền bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản lý tại Điều 16 Thông tư này xem xét miễn nhiệm Chủ tịch hoặc thành viên Hội đồng quản lý.

3. Hồ sơ đề nghị miễn nhiệm:

- a) Văn bản đề nghị miễn nhiệm của Hội đồng quản lý, trong đó nêu rõ lý do miễn nhiệm và đề nghị bằng văn bản của cá nhân xin thôi tham gia Hội đồng quản lý trong trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;
- b) Văn bản của cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp của đơn vị sự nghiệp công lập đề nghị miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản lý (nếu có đơn vị cấp trên trực tiếp);
- c) Nghị quyết, Biên bản họp Hội đồng quản lý;
- d) Ý kiến bằng văn bản của cấp ủy cùng cấp về việc miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản lý;
- đ) Các văn bản, tài liệu khác có liên quan (nếu có).

4. Người có thẩm quyền bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản lý tại Điều 16 Thông tư này xem xét, quyết định miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản lý.

Chương V ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 19. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05 tháng 8 năm 2022.

Điều 20. Trách nhiệm thi hành

1. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện Thông tư này. Căn cứ vào nguyên tắc, điều kiện thành lập Hội đồng quản lý trong đơn vị sự nghiệp công lập, quyết định việc thành lập Hội đồng quản lý trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại Thông tư này và theo quy định của pháp luật có liên quan.

2. Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ Tư pháp, Giám đốc Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập và các cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

3. Trong quá trình thực hiện Thông tư này nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân phản ánh về Bộ Tư pháp để hướng dẫn, giải quyết theo quy định./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Sở Tư pháp, Sở Nội vụ các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Công báo, Website Chính phủ, Website Bộ Tư pháp;
- Bộ Tư pháp: Bộ trưởng, các Thứ trưởng và các đơn vị thuộc Bộ;
- Lưu: VT, TCCB.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Đặng Hoàng Oanh